

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-PT.

Ngày 21- 3- 2022.

V/v “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Bà Đặng Thị Ánh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLPT - DS ngày 09 tháng 02 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Kim L, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 64/13F, đường T, phường 4, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Văn T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 73/11C, đường P, khóm 4, phường 3, thành phố V, tỉnh V (theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2022, có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 80/5, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Phước Th, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 23/2, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh V (theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2022, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (có mặt).
2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956 (vắng mặt).
3. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1977 (vắng mặt).
4. Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1981 (vắng mặt).
5. Anh Lê Nguyễn Thanh H, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Phú, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đào Kim Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Đào Kim L trình bày:*

Vào ngày 11/4/2021 bà L và ông Th thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa số 253 và thửa số 226, diện tích chuyển nhượng 3.000m², loại đất lúa (hợp đồng ghi nhầm là đất vườn), tọa lạc tại ấp Thạnh Phú, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, giá chuyển nhượng 2.000.000 đồng/m² x 3.000m² = 6.000.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận từ lộ nhựa nhìn vô, lấy từ bên trái trở qua nhà ông Th, chiều dài lấy hết 02 thửa cho đủ diện tích 3.000m², theo bà L được biết chiều dài 02 thửa khoảng 32m. Khi thỏa thuận hai bên có làm hợp đồng đặt cọc viết tay, nội dung bà L đặt cọc cho ông Th 400.000.000 đồng, trong vòng 01 tháng ông

Th phải tách thửa, ký hợp đồng chuyển nhượng bà L sẽ giao tiếp số tiền 2.600.000.000 đồng, trong vòng 03 tháng bà trả đủ số tiền còn lại, ông Th bàn giao đất và giấy tờ đứng tên bà L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, một tháng đầu tiên bà L yêu cầu ông Th đem giấy tờ để làm hợp đồng chuyển nhượng nhưng ông Th không làm, do đó bà nộp đơn khởi kiện ông Th ra Tòa. Sau đó khoảng tháng 7/2021 ông Th có gọi điện thoại kêu bà vô nhà ông Th ký hợp đồng chuyển nhượng, ông Th nói diện tích khoảng 2.700m² nên bà không đồng ý, bà có đề nghị ông Th tách thửa cho đủ diện tích 3.000m² nhưng ông Th không đồng ý.

Bà L yêu cầu ông Th phải trả lại tiền cọc 400.000.000 đồng và tiền phạt cọc 400.000.000 đồng. Tổng cộng chung là 800.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Trung Th trình bày:

Vào ngày 11/4/2021 ông Th và bà L có thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa 253 diện tích 4.580,4m² do ông và vợ là bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất, thửa số 226 diện tích 3.033,6m² do chị ông là bà Nguyễn Thị D đứng tên quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất là của cha mẹ cho chị ông, chị ông bán lại cho ông nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Theo thỏa thuận ông chỉ bán cho bà L diện tích khoảng 3.000m², giá tiền 2.000.000 đồng/m², lúc đó phần đất của ông đang làm lộ nên không làm thủ tục tách thửa được, lý do phải trừ đi phần diện tích làm lộ và làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới tách thửa. Khi làm thủ tục tách thửa ông có yêu cầu bà L vô cắm ranh nhưng bà L không vô, sau khi có số liệu ông có thông báo cho bà L biết, bà L hẹn qua dịch bệnh sẽ vô giao tiền nhưng bà L không vô.

Hiện nay số liệu tách thửa diện tích khoảng 2.700m², ông đồng ý chuyển nhượng cho bà L nhưng bà L không đồng ý. Do bà L vi phạm hợp đồng nên ông không đồng ý theo yêu cầu của bà L. Ông đồng ý trả tiền lại cho bà L 400.000.0000 đồng, không đồng ý phạt cọc theo yêu cầu của bà L.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T thống nhất theo ý kiến của ông Th.

+ Bà Nguyễn Thị trình bày: Phần đất thừa số 226 diện tích 3.033m², loại đất lúa tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện L, tỉnh V là của cha mẹ để lại cho bà. Sau đó bà bán lại cho em trai là ông Th khoảng trên 10 năm nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Hiện nay ông Th bán phần đất này lại cho người khác bà không có tranh chấp hay ý kiến gì, vì bà đã bán cho ông Th.

+ Ông Đinh Thành T trình bày: Phần đất thừa số 226 diện tích 3.033m², loại đất lúa tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện L, tỉnh V có nguồn gốc của cha mẹ vợ cho vợ ông là bà D. Đây là tài sản của vợ ông, vợ ông đã bán cho em là ông Th trên 10 năm nhưng chưa làm thủ tục sang tên, phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông Th nên ông Th bán cho ai ông không tranh chấp hay có ý kiến gì.

+ Ông Lê Thanh P, bà Nguyễn Thị Mộng T và anh Lê Nguyễn Thanh H trình bày: Phần đất thừa số 226 diện tích 3.033m², loại đất lúa tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện L, tỉnh V do hộ bà D đứng tên quyền sử dụng đất, phần đất này có nguồn gốc của cha mẹ bà D để lại cho bà và bà đã bán lại cho ông Th từ nhiều năm nay. Hiện nay phần đất này ông Th tranh chấp với người khác ông P, bà T và anh H không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Trung Th phải trả cho nguyên đơn bà Đào Kim L số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Kim L yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trung Th bồi thường tiền phạt cọc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/01/2022 nguyên đơn bà Đào Kim L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông Th có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nhận đặt cọc 400.000.000 đồng và tiền phạt cọc 400.000.000 đồng. Tổng cộng chung là 800.000.000 đồng. Trong trường hợp ông Th có thiện chí tiếp tục thực hiện hợp đồng thì bà L sẽ đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng đối với ông Th.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Kim L là ông Cao Văn T vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo của bà L. Ông T cho rằng bà L đồng ý bỏ qua các lỗi vi phạm của ông Th về thời gian ký kết hợp đồng và về diện tích không đủ 3.000m² theo thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc với điều kiện ông Th phải đồng ý ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà L diện tích đất theo đo đạc thực tế khi tách thửa là 2.878,2m², bà L đồng ý trả cho ông Th giá đất 2.000.000 đồng/ 1m² đúng theo thỏa thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trung Th là ông Huỳnh Phước Th không đồng ý với kháng cáo của bà L. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trong trường hợp bà L có thiện chí nhận chuyển nhượng đất thì ông Th đồng ý chuyển nhượng cho bà L diện tích đất theo đo đạc thực tế khi tách thửa là 2.878,2m² bà L phải trả đủ tiền cho ông Th như thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc và yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông Th thêm số tiền 150.000.000 đồng. Nếu bà L không đồng ý nhận chuyển nhượng đất và không đồng ý hỗ trợ thì ông Th đồng ý trả lại cho bà L 400.000.000 đồng tiền nhận đặt cọc và đồng ý chịu lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 11/4/2021 cho đến ngày xét xử phúc thẩm.

Bà T thống nhất với ý kiến của ông Th đại diện cho ông Th.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc

thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội không chấp nhận kháng cáo của bà L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Buộc bà L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục: Tòa án sơ thẩm xét xử tuyên án ngày 27/12/2021 đến ngày 05/01/2022 bà Đào Kim L có đơn kháng cáo. Kháng cáo của bà L còn trong thời hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Xét hình thức của Hợp đồng đặt cọc: Hợp đồng đặt cọc giữa nguyên đơn là bà L và bị đơn là ông Th được viết tay đề ngày 11/4/2021 không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, loại hợp đồng này không thuộc trường hợp bắt buộc phải công chứng, chứng thực. Tại thời điểm ký kết hợp đồng đặt cọc, các bên tham gia ký kết đều có đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hình thức của hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 328 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Xét nội dung của hợp đồng đặt cọc: Việc các bên lập hợp đồng đặt cọc là để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.000m² tại 02 thửa đất: thửa 253 diện tích 4.580,4m² và

thửa số 226 diện tích 3.033,6m². Cùng tọa lạc tại ấp T, xóm H, huyện L, tỉnh V. Như vậy, đối tượng giao dịch của hợp đồng đặt cọc là có thật và không vi phạm quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013; các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng. Trong hợp đồng đặt cọc có nêu giá trị đất, diện tích đất, phương thức thanh toán, thời gian hoàn thành giao dịch mua bán, điều khoản cam kết của các bên khi vi phạm hợp đồng. Như vậy, nội dung của hợp đồng đặt cọc là hợp pháp, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng đặt cọc có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Kim L: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn ông Nguyễn Trung Th có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nhận cọc 400.000.000 đồng và tiền phạt cọc 400.000.000 đồng. Tổng cộng chung là 800.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Trung Th không đồng ý phạt cọc, chỉ đồng ý trả tiền cọc, vì cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc không thực hiện được đúng cam kết là do sau khi thực hiện thủ tục đo đạc tách thửa vào ngày 14/6/2021 thì ông có mời bà L đến tham dự đo đạc và liên lạc nhiều lần với bà L để làm thủ tục sang tên nhưng không được.

[3.1] Xét lỗi về thời gian ký kết hợp đồng. Vào ngày 11/4/2021 giữa bà L và ông Th ký kết hợp đồng đặt cọc (thể hiện biên nhận cọc). Theo hợp đồng đặt cọc thì ông Th chuyển nhượng cho bà L diện tích đất 3.000m² thuộc thửa 253+226, tờ bản đồ số 9 với giá 2.000.000 đồng/1m², thành tiền là (2.000.000đ x 3.000 = 6.000.000.000đ) bà L đặt cọc cho ông Th nhận 400.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận trong vòng 30 ngày (tức ngày 11/5/2021) tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng, bà L trả tiếp cho ông Th số tiền 2.600.000.000 đồng. Số tiền còn lại trong vòng 03 tháng bà L trả đủ và ông Th có trách nhiệm bàn giao đất và giấy tờ đất mang tên bà L. Sau khi ký kết hợp đồng đặt cọc ông Th không chủ động liên hệ đề nghị cơ quan chức năng làm thủ tục tách thửa để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L theo thỏa thuận mà đến ngày 14/6/2021, hơn 60 ngày ông Th mới có đơn đề nghị đo đạc tách thửa. Cho nên, căn cứ vào đơn đề nghị đo đạc tách thửa ngày 16/6/2021 (bút lục số 35) đối chiếu với hợp đồng đặt cọc (biên nhận cọc) thì ông Th đã vi phạm thời gian ký kết hợp đồng.

[3.2] Sau khi ông Th có đơn đề nghị tách thửa được cơ quan chức năng Tài nguyên và Môi trường đo đạc có diện tích thực tế là 2.878,2m². Như vậy đối chiếu với diện tích ghi trên hợp đồng đặt cọc thì ông Th đã vi phạm về diện tích tách thửa không đủ 3.000m².

[3.3] Mặc dù, ông Th đã vi phạm thời gian ký kết hợp đồng và vi phạm về diện tích nhưng tại phiên Tòa sơ thẩm đại diện của ông Th còn trình bày nếu bà L tiếp tục nhận chuyển nhượng đất thì ông Th yêu cầu bà L trả đủ tiền (tức là trên thực tế ông Th chỉ giao cho bà L diện tích 2.878,2m² mà yêu cầu bà L trả cho ông đủ 6.000.000.000 đồng theo diện tích 3.000m² ghi trên hợp đồng đặt cọc) và còn yêu cầu bà L trả thêm cho ông 200.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của ông Th cho rằng nếu bà L có thiện chí nhận chuyển nhượng đất thì ông Th đồng ý chuyển nhượng cho bà L diện tích đất theo đo đạc thực tế khi tách thửa là 2.878,2m², bà L phải trả đủ tiền cho ông Th như thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc và yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông Th thêm số tiền 150.000.000 đồng. Nếu bà L không đồng ý nhận chuyển nhượng đất và không đồng ý hỗ trợ thì ông Th đồng ý trả lại cho bà L 400.000.000 đồng tiền nhận đặt cọc và đồng ý chịu lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 11/4/2021 cho đến ngày xét xử phúc thẩm là không có căn cứ.

[3.4] Tại phiên tòa, bà L đồng ý bỏ qua các lỗi vi phạm về thời gian ký kết hợp đồng và về diện tích không đủ 3.000m² theo thỏa thuận ban đầu với điều kiện ông Th đồng ý ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà L diện tích đất theo đo đạc thực tế là 2.878,2m² bà L đồng trả cho ông Th giá đất 2.000.000 đồng/1m² đúng theo giá đã thỏa thuận của hợp đồng đặt cọc. Nhưng ông Th không đồng ý chuyển nhượng theo yêu cầu của bà L. Nên ông Th là người nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng với bà L. Đối chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bà L sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ buộc ông Th có nghĩa vụ trả lại cho bà L 400.000.000 đồng tiền nhận đặt cọc và 400.000.000 đồng tiền phạt cọc. Tổng cộng chung là 800.000.000 đồng. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chưa phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận mà không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Trung Th nộp án phí [20.000.000 đồng + (400.000.000 đồng x 4%)] = 36.000.000 đồng.

Hoàn trả bà Đào Kim L 18.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L là người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Kim L.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147 và 293 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Kim L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Trung Th phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đào Kim L 400.000.000 đồng tiền nhận đặt cọc và 400.000.000 đồng tiền phạt cọc. Tổng cộng chung là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Trung Th nộp 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Hoàn trả bà Đào Kim L 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006776 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đào Kim L không phải chịu án phí.

Hoàn trả bà Đào Kim L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003515 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKS CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND huyện L: 01b;
- Chi cục THADS huyện L: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường